

## CHO VAY TOPUP DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. **Đối tượng:** Khách hàng đang có khoản vay tín chấp hoặc thế chấp (khoản vay cơ sở) tại SeABank.
2. **Phạm vi áp dụng:** Áp dụng trên toàn hệ thống SeABank
3. **Điều kiện áp dụng\***
  - Khoản vay cơ sở tín chấp: Khoản vay tín chấp còn dư nợ tại SeABank tính đến thời điểm phê duyệt khoản vay Topup, ngoại trừ các khoản vay sau: Thẻ tín dụng; Thấu chi không có TSBĐ; Khoản vay tín chấp thanh toán phí bảo hiểm; Khoản tín chấp cấp kèm khoản vay có TSBĐ.
  - Khoản vay cơ sở thế chấp: Khoản vay có tài sản bảo đảm đang còn dư nợ hoặc hết dư nợ trong vòng 06 tháng nhưng KH chưa rút tài sản bảo đảm ngoại trừ các khoản vay sau: Thấu chi có TSBĐ; SeALand (vay hạn mức và vay món ngắn hạn trả gốc cuối kỳ); Cho vay đối với KHCN nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh với phương thức vay hạn mức, vay từng lần ngắn hạn trả gốc cuối kỳ.
  - Khoản vay cơ sở đã trả nợ cho SeABank tối thiểu 06 kỳ trả nợ.
  - KH tuân thủ theo quy định tình trạng nợ hiện tại và lịch sử tín dụng của SeABank từng thời kỳ.
4. **Sản phẩm áp dụng**

Đối với khoản vay Topup, KH được linh hoạt áp dụng khoản vay tiêu dùng trả góp (SeABuy, SeAFlex); hoặc vay thấu chi (SeAFast).
5. **Số tiền cho vay**
  - Không vượt quá số tiền gốc của khoản vay cơ sở đã trả nợ cho SeABank.
6. **Lãi suất cho vay**

Lãi suất cho vay hấp dẫn, cạnh tranh theo quy định của SeABank từng thời kỳ.
7. **Định giá tài sản bảo đảm (khoản vay thế chấp)**
  - ❖ **TSBĐ là bất động sản**
    - Nếu kết quả định giá  $\leq 12$  tháng: ĐVKD sử dụng kết quả định giá cũ
    - Nếu kết quả định giá  $> 12$  tháng: ĐVKD được tự định giá (không cần tư vấn giá); hoặc định giá theo quy định của SeABank từng thời kỳ
  - ❖ **TSBĐ là động sản:** Thực hiện theo quy định định giá của SeABank từng thời kỳ
8. **Hồ sơ cung cấp**

Nếu Khách hàng không có sự thay đổi hồ sơ so với hồ sơ của khoản vay cũ thì Khách hàng không cần cung cấp lại hồ sơ mà sử dụng hồ sơ của khoản vay cũ.

*\*Các điều kiện khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ.*